

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc ban hành giá dịch vụ cảng biển  
đối với các tàu quân sự hoặc tàu nghiên cứu khoa học nước ngoài

**TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG**

Căn cứ Luật giá của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;  
Căn cứ Luật thuế Giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 ngày 03/6/2008 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;  
Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giá;  
Căn cứ Quyết định số 68/2024/QĐ-CHP ngày 18/12/2023 của Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng (gọi tắt là Cảng Hải Phòng) về việc ban hành Biểu giá dịch vụ cảng biển đối với các Chủ tàu/đại lý vận tải biển quốc tế;  
Căn cứ tình hình thực tế sản xuất kinh doanh tại Cảng Hải Phòng,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành giá dịch vụ cảng biển đối với các tàu quân sự hoặc tàu nghiên cứu khoa học nước ngoài qua Cảng Hải Phòng như sau:

**1. Dịch vụ lai dắt hỗ trợ tàu;** Đơn vị tính: USD/lượt phục vụ vào hoặc ra

STT	Chiều dài lớn nhất của tàu yêu cầu hỗ trợ (LOA)	Đơn giá
1	Dưới 90m	243,00
2	Từ 90m đến dưới 110m	560,00
3	Từ 110m đến dưới 130m	685,00
4	Từ 130m đến dưới 150m	800,00
5	Từ 150m đến dưới 170m	1.290,00
6	Từ 170m đến dưới 200m	1.800,00
7	Từ 200m đến dưới 220m	2.300,00
8	Từ 220m đến 240m	2.770,00
9	Từ trên 240m đến dưới 275m	4.565,00
10	Từ 275m đến dưới 300m	5.087,00
11	Từ 300m đến dưới 350m	6.160,00
12	Từ 350m trở lên	8.507,00

**2. Dịch vụ buộc/cởi dây:**

Đơn vị tính: USD/lần buộc hoặc cởi dây

STT	Trọng tải tàu	Tại cầu	Tại phao, vũng vịnh
1	Dưới 3.000 GT	22,00	29,00
2	Từ 3.000 GT đến dưới 6.000 GT	31,00	40,00
3	Từ 6.000 GT đến dưới 10.000 GT	44,00	55,00
4	Từ 10.000 GT đến dưới 20.000 GT	66,00	83,00
5	Từ 20.000 GT đến dưới 30.000 GT	100,00	121,00
6	Từ 30.000 GT trở lên	150,00	181,00

### 3. Dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao neo:

3.1. Sử dụng cầu bến cho tàu đỗ tại cầu cảng: 1,32 USD/mét cầu/giờ.

3.2. Hành khách, thủy thủ, thuyền viên qua cầu, bến, phao, vịnh: Mức thu bao gồm dịch vụ sử dụng cầu bến, phao neo và dịch vụ tiện ích tại cảng (đèn điện chiếu sáng, vệ sinh môi trường, an ninh cảng biển...):

Đơn vị tính: USD người/lượt vào hoặc ra

ST T	Dịch vụ	Sử dụng cầu, bến, phao neo	Tiện ích
1	Tại cầu	3,50	1,00
2	Tại phao, Vịnh Lan Hạ	3,50	0

### 4. Các dịch vụ khác (theo yêu cầu):

4.1. Thuê bãi cảng: 1,80 USD/m<sup>2</sup>/tháng

(Dưới 15 ngày tính 1/2 tháng, từ 15 ngày trở lên đến 30 ngày tính 01 tháng).

4.2. Phục vụ an ninh (tính theo chuyến):

- Thuê vỏ container để rào chắn mũi tàu, đuôi tàu:

+ Container 20': 80,00 USD/container

+ Container 40': 110,00 USD/container

- Thuê rào mềm di động để rào chắn mũi tàu và đuôi tàu: 7,00 USD/mét.

- Tổ chức bố trí xe phòng cháy chữa cháy: 1.100,00 USD/chuyến

- Tổ chức lực lượng phục vụ an ninh, bảo vệ: 800,00 USD/chuyến

4.3. Thuê xe nâng hàng:

- Loại 5 tấn ÷ 10 tấn: 24,00 USD/giờ

- Loại 20 tấn ÷ 30 tấn: 47,00 USD/giờ

- Loại Kalmar 45 tấn: 83,00 USD/giờ

- Loại TCM 10 tấn: 34,00 USD/giờ

(Mức thu tối thiểu xe nâng hàng là 06 giờ).

5. Các dịch vụ chưa quy định tại Quyết định này: Áp dụng Quyết định số 68/2024/QĐ-CHP ngày 18/12/2023 hoặc thoả thuận giữa Cảng Hải Phòng và khách hàng.

**Điều 2.** Giá quy định tại Quyết định này chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thực hiện từ ngày 01/01/2024 và thay thế Quyết định số 70/2023/QĐ-CHP ngày 16/12/2022 và các văn bản trước đây trái Quyết định này.

**Điều 4.** Giám đốc Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu, Giám đốc các Chi nhánh Công ty, trưởng các phòng, trưởng Trung tâm căn cứ chức năng, nhiệm vụ và phạm vi ủy quyền để thực hiện../.

#### Nơi nhận:

- Cục Quản lý giá - Bộ Tài Chính;
- Cục Hàng hải Việt Nam;
- Tổng Cty Hàng hải Việt Nam;
- HĐQT Công ty;
- Ban điều hành Công ty;
- Ban Kiểm soát, Ban Kiểm toán nội bộ Công ty;
- Như điều 4;
- Lưu: VT, PKD.



Nguyễn Tường Anh